

Bản án số: 253/2023/HS-ST
Ngày 15-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Cao Thị Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 223/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị H (tên gọi khác V)**, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1987 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số G N khu nhà ở P, tổ G, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Tổng Giám đốc Công ty T2; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị L; có chồng Mai Văn Đ và 02 con, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2023; có mặt.

2. **Ngô Văn S**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1994 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị C; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2023; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Xuân V1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986, nơi cư trú: H11BT4 khu đô thị T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số 71 N6 khu nhà ở P, tổ G, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Phan Bá H2 sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Hồng M, chị Đoàn Thị Hà M1, chị Bùi Thị N, chị Lê Thị Hồng N1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016 Nguyễn Thị H thành lập Công ty cổ phần T2 (gọi tắt là Công ty T2), H làm Tổng giám đốc, trụ sở đăng ký kinh doanh tại Km 20, Quốc lộ A, thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, ngành nghề đăng ký kinh doanh chính là sản xuất sản phẩm bằng kim loại,. Công ty T2 tuyển dụng Ngô Văn S làm kế toán phụ trách mua bán hàng hóa, Nguyễn Thị Hồng M sinh năm 1981, ĐKTT: Số G T, thị trấn N, huyện K, Hải Phòng làm kế toán kê khai, báo cáo thuế cho công ty. Đến ngày 29/7/2021 Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là anh Bùi Xuân V s năm 1983, ĐKTT: Thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng, với chức danh là Tổng giám đốc nhưng mọi hoạt động điều hành Công ty đều do H chỉ đạo. Ngoài ra H còn làm Giám đốc của Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G), có trụ sở đăng ký kinh doanh tại: Thôn B, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Công ty cổ phần S1 (Gọi tắt là Công ty S1) trụ sở đăng ký kinh doanh tại: Lô C, khu công nghiệp N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng do Mai Văn Đ (chồng H) làm Tổng giám đốc nhưng mọi hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho Công ty S1 do H chỉ đạo, điều hành và thực hiện, Công ty tuyển dụng Phan Bá H2 sinh năm 1987, ĐKTT: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc làm kế toán kê khai, báo cáo thuế. Các kế toán khác của công ty gồm có: Bùi Thị N sinh năm 1997, ĐKTT: Số 2/34/118 T3, T, quận K, thành phố Hải Phòng; Đoàn Thị Hà M1 sinh năm 1991, ĐKTT: TDP T, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng và Lê Thị Hồng N1 sinh năm 1990, ĐKTT: Thôn Ú, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng đều phụ trách mua bán vật tư cho công ty.

Trong quá trình mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho các Công ty T2, Công ty G và Công ty S1 (Công ty G1), khoảng đầu năm 2021, H tìm mua được nguồn hàng hóa là sắt thép phế liệu trôi nổi trên thị trường của các cá nhân với giá rẻ hơn giá thị trường nhưng không có hóa đơn GTGT kèm theo. Để hợp thức hóa số lượng hàng hóa đầu vào không có hóa đơn, chứng từ và nhằm mục đích trốn thuế nên H đã chỉ đạo cho Ngô Văn S liên hệ mua hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH T4 do Trần Thị Phương T1, làm Giám đốc và Nguyễn Văn H3, làm kế toán để kê khai báo

cáo thuế số lượng hàng hóa không có hóa đơn GTGT đã mua để không phải nộp số tiền thuế GTGT đầu vào đối với lượng hàng hóa sắt thép phế liệu mua của các cá nhân cho các Công ty S1 và Công ty T2. Trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 11/2021, H đã chỉ đạo S mua và sử dụng để kê khai báo cáo thuế tổng cộng 55 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH T4 với giá 3,2% giá trị tiền hàng ghi trong hóa đơn (không tính thuế VAT), trong đó có 36 số hóa đơn xuất cho Công ty T2 và 19 số hóa đơn xuất cho Công ty S1 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 256.713.016.429 đồng đã kê khai báo cáo thuế và đã được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các Công ty S1 và Công ty T2.

Ngày 06/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố các bị can Trần Thị Phương T1, Nguyễn Văn H3 và các đồng phạm về tội Mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại Công ty TNHH T4 và Công ty TNHH T4 để xử lý theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình điều tra, mở rộng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc và khu vực có liên quan tại Công ty S1; khám xét khẩn cấp chỗ ở tại số G N6 khu nhà ở P, tổ G, phường Đ, quận H, Hải Phòng đối với Nguyễn Thị H; khám xét chỗ ở tại số A ngõ A đường L, phường Đ, TP V, tỉnh Vĩnh Phúc đối với Phan Bá H2; khám xét chỗ ở tại thôn G, xã Q, huyện T, Hải Phòng đối với Ngô Văn S thu giữ sổ sách, hóa đơn, hợp đồng kinh tế, sao kê tài khoản ngân hàng, máy tính, các con dấu, USB chữ ký số của Công ty S1 và một số tài liệu khác. Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao nộp 02 điện thoại di động và các chứng từ, tài liệu khác có liên quan đến vụ án; Mai Văn Đại tự n giao nộp hóa đơn, hợp đồng mua bán giữa Công ty S1 và Công ty TNHH T4; Nguyễn Thị Hồng M tự nguyện giao nộp USB chữ ký số của Công ty T2 và Công ty G cùng các tài liệu khác có liên quan đến vụ án để phục vụ công tác giám định.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H trưng cầu Cục Thuế thành phố H giám định số tiền trốn thuế của Công ty T2 và Công ty S1 đối với khối lượng sắt thép mua trôi nổi trên thị trường không có chứng từ, hóa đơn kèm theo. Tại bản kết luận giám định ngày 10/3/2023 của Cục thuế thành phố H kết luận: *“Số thuế GTGT bị thất thu cho ngân sách nhà nước do hành vi của Nguyễn Thị H mua sắt thép phế liệu từ các cá nhân không có hóa đơn, sau đó mua 55 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T4 ghi khống nội dung hàng hóa và sử dụng để kê khai thuế GTGT, hợp thức hóa đầu vào đối với hai công ty nêu trên dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp và giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ như sau:*

+ Công ty T2 thiếu số thuế GTGT phải nộp là **11.743.539.118** đồng (Mười một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba chín nghìn một trăm mười tám đồng);

+ Công ty S1 thiếu số thuế GTGT phải nộp là **12.465.771.519** đồng (Mười hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn năm trăm mười chín đồng).

Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Chưa đủ cơ sở pháp lý và căn cứ thực tiễn để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp bị thất thu”. (Bút lục số 39-60)

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và con dấu đối với 37 tài liệu thu thập được là các hợp đồng mua bán, chứng từ giao nhận hàng hóa, bảng kê hàng hóa phát sinh giữa Công ty TNHH T4 và các công ty: thép HPS và thép T2. Tại bản kết luận giám định số 212/KL-KTHS(TL) ngày 11/01/2023 của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: **“Chữ ký mang tên Tổng Giám đốc Nguyễn Thị H dưới mục “Đại diện bên mua” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) so với chữ ký của người mang tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: từ M1 đến M5) là do cùng một người ký ra.**

- Chữ ký mang tên Tổng Giám đốc Bùi Xuân V1 dưới mục “Đại diện bên mua” và mục “Đại diện bên nhận” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: từ A2 đến A23) so với chữ ký của người mang tên Bùi Xuân V1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: từ M6 đến M9) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Tổng Giám đốc Mai Văn Đ dưới mục “Đại diện bên mua” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: từ A24 đến A37) so với chữ ký của người mang tên Mai Văn Đ trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: từ M10 đến M14) là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÉP THỊNH PHÁT” dưới mục “Đại diện bên mua” và mục “Đại diện bên nhận” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: từ A1 đến A23) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M15, M16, M17) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chức danh có nội dung “Tổng Giám đốc Nguyễn Thị H” dưới mục “Đại diện bên mua” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M15) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP HPS” dưới mục “Đại diện bên mua” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: từ A24 đến A37) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M18) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chức danh có nội dung “Tổng Giám đốc Mai Văn Đ” dưới mục “Đại diện bên mua” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: từ A24 đến A37) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M19) là do cùng một con dấu đóng ra.” (BL:159-193)

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã tiến hành trưng cầu cơ quan giám định khôi phục dữ liệu điện tử điện thoại di động và CPU máy tính đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 418/KL-KTHS(KTS) ngày 30/6/2023 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: “Tìm thấy các tập tin văn bản được lưu trong ổ

cứng,... tìm thấy các cuộc gọi, tin nhắn tức thì, cuộc hội thoại,... Nội dung chi tiết các dữ liệu được lưu lại hai các thư mục trong đĩa CD kèm theo” (BL:61-158)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H các bị can Nguyễn Thị H, Ngô Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, lời khai nhận của H, S phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với kết quả giám định của Phòng K1, Công an thành phố H, kết luận giám định của cơ quan thuế, sao kê tài khoản ngân hàng, dữ liệu điện tử. Nguyễn Thị H, Ngô Văn S khai việc mua hóa đơn GTGT không của các Công ty T4 để hợp thức hóa lượng hành hóa mua trôi nổi trên thị trường không có chứng từ hóa đơn GTGT kèm theo, H và S bàn bạc và thực hiện với nhau, không có ai khác biết việc H và S mua hóa đơn không.

Bùi Xuân V1, Tổng giám đốc Công ty T2 (từ ngày 29/7/2021 đến nay); Nguyễn Văn K, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Mai Văn Đ, Tổng giám đốc Công ty S1 và các nhân viên kế toán của các Công ty T2 và HPS khai nhận việc mua hàng hóa vật tư đầu vào cho các Công ty T2 và HPS được giao cho Nguyễn Thị H, Ngô Văn S đảm nhận và thực hiện, không được bàn bạc và không biết việc H và S mua hàng hóa trôi nổi trên thị trường không có chứng từ hóa đơn kèm theo và việc mua hóa đơn không của các Công ty T4 để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty T2 và HPS.

Xác minh tại Chi cục Thuế khu vực N2 - H, kết quả: Công ty T2 và Công ty S1 đã thực hiện việc kê khai báo cáo thuế. Hiện cả 02 công ty không còn nợ đọng tiền thuế.

Tại bản cáo trạng số 220/CT-VKS-P3 ngày 13/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo H, S về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo H và bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, việc truy tố, xét xử các bị cáo là không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 1.700.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn S từ 1.500.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 CPU máy tính màu đen nhãn hiệu DELL, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu ACER màu đen, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu DELL màu đen, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu LENOVO màu đen, đã qua sử dụng; 02 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, 02 bàn

phím máy tính màu đen, 01 chuột máy tính màu đen, đều đã qua sử dụng, cần trả lại cho bị cáo H và trả công ty S1; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu xám, đã qua sử dụng trả lại Phan Bá H2; 01 USB chữ ký số của Công ty S1, 01 USB chữ ký số Công ty T2 và 01 USB chữ ký số của Công ty G, đề nghị trả lại 3 công ty; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, đã qua sử dụng, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với các vật chứng trên do có liên quan đến việc phạm tội.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, đã qua sử dụng, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với các vật chứng trên do có liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu khoản tiền trốn thuế của Công ty T2 và Công ty S1

Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản ngân hàng của Công ty S1, Công ty T2 và tài khoản các cá nhân liên quan với tổng số tiền là 6.677.090 đồng.

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CQCSĐT ngày 07/8/2023 đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, biển số đăng ký: 15A - 678.82, màu đen thuộc sở hữu của Nguyễn Thị H để trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 02/2021 đến tháng 11/2021 Nguyễn Thị H mua sắt thép phế liệu từ các cá nhân không có hóa đơn, sau đó H chỉ đạo, cùng với Ngô Văn S liên hệ mua 55 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH T4 ghi không nội dung hàng hóa và sử dụng để kê khai thuế GTGT, hợp thức hóa đầu vào của Công ty T2 và Công ty S1 nhằm mục đích trốn thuế, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước theo kết luận của Cơ quan thuế là 24.209.310.637 đồng (*Hai mươi tư tỷ, hai trăm linh chín triệu, ba trăm mười nghìn,*

sáu trăm ba mươi bảy đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự.

[3] *Về tình tiết định khung*: Các bị cáo đã thực hiện hành vi trốn thuế với số tiền là: 24.209.310.637 đồng, nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[4] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản và khung hình phạt là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể là hoạt động thu ngân sách nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo H và bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ khoản tiền đã trốn thuế, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H thời điểm bị truy tố đang mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] *Về vai trò của các bị cáo và hình phạt*: Bị cáo H là Tổng Giám đốc công ty, chỉ đạo bị cáo S là kế toán công ty mua sắt thép phế liệu từ các cá nhân không có hóa đơn, mua hóa đơn GTGT không, không thực hiện kê khai, ghi không nội dung hàng hóa và sử dụng để kê khai thuế GTGT, hợp thức hóa đầu để trốn thuế, nên vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo S trong vụ án này.

[8.1] Tội trốn thuế là loại tội nằm trong chương các tội xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế, khách thể xâm phạm của loại tội này là việc quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại trực tiếp đến tiền thuế của Nhà nước. Do các khung hình phạt của tội này đều có quy định về hình phạt tiền đối với người phạm tội. Đến thời điểm này bị cáo H, S đã chủ động nộp hết các khoản tiền trốn thuế, đồng thời bị cáo H và bị cáo S đã nộp 3.200.000.000 đồng để xin được phạt tiền, nếu được Tòa án chấp nhận cho bị cáo được phạt tiền. Xét thấy bị cáo H và bị cáo S có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự đã chứng minh được khả năng thi hành được hình phạt tiền của mình, nên cần chấp nhận đề nghị của bị cáo, phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Đối với các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H (Giám đốc Công ty T2 và Giám đốc Công ty G): 01 CPU máy tính màu đen nhãn hiệu DELL, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu ACER màu đen, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu DELL màu đen, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu LENOVO màu đen, đã qua sử dụng; 02 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, 02 bàn phím máy tính màu đen, 01

chuột máy tính màu đen, đều đã qua sử dụng, 01 USB chữ ký số Công ty T2, 01 USB chữ ký số của Công ty G; trả lại anh Phan Bá H2: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu xám, đã qua sử dụng; trả lại anh Mai Văn Đ (Tổng giám đốc Công ty S1): 01 USB chữ ký số của Công ty S1; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, đã qua sử dụng cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] *Về số tiền trốn thuế*: Số tiền 24.209.310.637 đồng các bị cáo Nguyễn Thị H và Ngô Văn S tự nguyện giao nộp, khắc phục số tiền trốn thuế, cụ thể Công ty T2 thiếu số thuế GTGT phải nộp 11.743.539.118 đồng; Công ty S1 thiếu số thuế GTGT phải nộp là 12.465.771.519 đồng. Số tiền 24.209.310.637 đồng cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Huỷ bỏ phong tỏa tài khoản ngân hàng của Công ty S1, Công ty T2 và tài khoản các cá nhân liên quan với tổng số tiền là 6.677.090 đồng. Huỷ bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CQCSĐT ngày 07/8/2023 đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, biển số đăng ký: 15A - 678.82, màu đen thuộc sở hữu của Nguyễn Thị H để trả lại cho bị cáo.

- *Về vấn đề khác*

[11] Đối với Trần Thị Phương T1 - Giám đốc Công ty TNHH T4 và Nguyễn Văn H3 - kế toán Công ty TNHH T4 có hành vi bán hóa đơn cho Nguyễn Thị H và Ngô Văn S để thu lợi. Hành vi trên của T1 và H3 và các đồng phạm đã bị xử lý trong vụ án Mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại Công ty TNHH T4 và Công ty TNHH T4.

[12] Đối với Bùi Xuân V1 được Nguyễn Thị H nhờ đứng tên Tổng giám đốc Công ty T2 từ ngày 29/7/2021 và đã ký hợp đồng mua bán, giao nhận hàng hóa không giữa Công ty T2 với Công ty TNHH T4 nhưng V1 không biết việc ký các chứng từ này để hợp thức việc mua bán hóa đơn nên cơ quan điều tra không xử lý.

[13] Đối với Nguyễn Văn K, là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty S1 và Mai Văn Đ - Tổng giám đốc Công ty S1, đều không được bàn bạc, không biết và không tham gia vào việc mua hàng hóa sắt thép phế liệu đầu vào, không biết việc Nguyễn Thị H mua hóa đơn để hợp thức hóa nguồn hàng đầu vào không có hóa đơn của Công ty S1 nên cơ quan điều tra không xử lý.

[14] Đối với Phan Bá H2 - là kế toán kê khai, báo cáo thuế cho Công ty S1 và Nguyễn Thị Hồng M - là kế toán kê khai, báo cáo thuế cho Công ty T2 không biết việc Nguyễn Thị H mua hóa đơn khống để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào, thực hiện tổng hợp hóa đơn để kê khai, báo cáo thuế cho các công ty theo quy định và không được hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không xử lý.

[15] Đối với Bùi Thị N, Đoàn Thị Hà M1 và Lê Thị Hồng N1 là các kế toán phụ trách mua bán vật tư cho Công ty S1, đều không biết và không tham gia mua hàng hóa sắt thép phế liệu đầu vào, không biết việc Nguyễn Thị H và Ngô Văn S mua hóa đơn khống để hợp thức hóa nguồn hàng hóa đầu vào nên cơ quan điều tra không xử lý.

[16] Đối với Nguyễn Thị D đứng tên chủ tài khoản ngân hàng số: 19036051363014 mở tại ngân hàng N3 - Chi nhánh C1 nhưng D không sử dụng mà cho H mượn, sử dụng bằng ứng dụng Internet Banking, D không biết H sử dụng tài khoản trên để đảo tiền trong việc mua bán hóa đơn nên cơ quan điều tra không xử lý.

[17] Đối với 22 tờ hóa đơn GTGT năm 2022 của Công ty TNHH T4 xuất bán cho các Công ty T2 (12 tờ hóa đơn), Công ty S1 (08 tờ hóa đơn), Công ty G (02 tờ hóa đơn), các đối tượng Trần Thị Phương T1, Nguyễn Văn H3 đều xác định là hóa đơn không, không có hàng hóa kèm theo, do đối tượng S không rõ lai lịch mua. Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2022, H mua hàng hóa sắt thép phế liệu có thật của đối tượng S (H chỉ biết S là người nội thành Hải Phòng, ngoài ra không biết thông tin gì khác về S). Sau khi nhận hàng, H được S xuất hóa đơn cho các công ty: Thép T, thép S1, Gia Trang T từ Công ty TNHH T4. Hiện chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của S, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ nên cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[18] Nguyễn Thị Hồng V2 sinh năm 1980, ĐKTT: Số D T, T, quận L, Hải Phòng - là cán bộ quản lý thuế của các công ty: T2 và thép S1 đã thu thập tài liệu về các công ty theo quy định, đồng thời khi phát hiện các công ty có dấu hiệu rủi ro đã đề nghị lãnh đạo đưa 02 công ty vào diện thanh tra, kiểm tra vào năm 2021. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Thị Hồng V2 về trách nhiệm trong quản lý đối với 02 công ty trên nên cơ quan điều tra không xử lý.

[19] Đối với trách nhiệm các cá nhân, cán bộ thuế, doanh nghiệp bán hàng hóa không có chứng từ, hóa đơn hợp pháp kèm theo cho Công ty S1, Thịnh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[20] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[21] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội trốn thuế, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 1.700.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.700.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000462 ngày 04/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn S phạm tội trốn thuế, xử phạt bị cáo Ngô Văn S 1.500.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.500.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000463 ngày 04/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Ngô Văn S.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.209.310.637 đồng bị cáo H đã nộp theo biên lai số 0000319 ngày 13/11/2023 và biên lai số 0000320 ngày 16/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng theo ủy nhiệm chi ký hiệu số C4-02a/NS ngày 13/10/2023 của Văn phòng cơ quan điều tra - Công an thành phố H cho Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Tổng số tiền là 24.209.310.637 đồng để nộp cho khoản thuế Công ty cổ phần T2 là 11.743.539.118 đồng; Công ty cổ phần S1 là 12.465.771.519 đồng.

Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 45/LPT-VPCQCSĐT (Đ2) ngày 03/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T đối với tài khoản số 828282588888 chủ tài khoản Nguyễn Thị H; hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 46/LPT-VPCQCSĐT (Đ2) ngày 03/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T đối với tài khoản số 19028083180016 chủ tài khoản Nguyễn Thị H, tài khoản số 19130991958888 và số tài khoản 19030991958018 đều có chủ tài khoản là Công ty cổ phần T2, tài khoản số 19132598666789 chủ tài khoản Công ty cổ phần S1; hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 47/LPT-VPCQCSĐT (Đ2) ngày 03/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T đối với tài khoản số 19036858493019 và 19036858493027 đều của chủ tài khoản Ngô Văn S; hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 44/LPT-VPCQCSĐT (Đ2) ngày 03/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T đối với tài khoản số 19036051363014 chủ tài khoản Nguyễn Thị D.

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CQCSĐT ngày 07/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển số đăng ký 15A-678.82, số khung RLMWF8DX3LV007774, số máy 26492030253876, màu đen, đã qua sử dụng tại phường Đ, quận H, Hải Phòng của Nguyễn Thị H.

2. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, Imei: 354316412074694, đã qua sử dụng, trong đó có lắp 01 sim, mặt sau sim ghi dãy số: 89840200011223447911 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu bạc, ốp lưng màu da cam, số Imei 1: 357616090219231, đã qua sử dụng, trong gấn sim, mặt sau sim ghi dãy số: 89840200011126656410.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H (Giám đốc Công ty cổ phần T2 và Giám đốc Công ty TNHH G): 01 CPU máy tính màu đen nhãn hiệu DELL bề mặt có chữ

Inspiron, đã qua sử dụng, bề mặt ghi dòng chữ BMMIC6Z2; 01 CPU máy tính nhãn hiệu ACER màu đen, đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính nhãn hiệu DELL màu đen, đã qua sử dụng, bề mặt ghi dòng chữ 8ZVZ9P2; 01 CPU máy tính nhãn hiệu LENOVO màu đen, đã qua sử dụng; 02 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, 02 bàn phím máy tính màu đen, 01 chuột máy tính màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 USB chữ ký số của Công ty cổ phần T2, bề mặt ghi dòng chữ số L11611078574; 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH G bề mặt ghi dòng chữ số LCS2104B00071072;

Trả lại anh Phan Bá H2: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu xám, đã qua sử dụng, bề mặt ghi dòng chữ SN#5CD0207R1P;

Trả lại anh Mai Văn Đ (Tổng giám đốc Công ty cổ phần S1): 01 USB chữ ký số của Công ty cổ phần S1, bề mặt ghi dòng số 54051708012282;

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Ngô Văn S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

